

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN HÒA TÂN BÌNH

Đã năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Số đơn vị: đồng)



NỘI DUNG

	Trang
Điều khoản Hợp đồng mua bán	02-03
Sản phẩm và các phụ kiện	04-05
Điều kiện kỹ thuật hàng hóa đã được chấp thuận	06-08
Hàng cần để kế toán hàng hóa	09-10
Hàng cần để quản lý kinh doanh hàng hóa	11
Hàng cần để chuyển đổi thành hàng hóa	12-13
Thuyết minh báo cáo tài chính hàng hóa	14-18

CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN HÓA TÂN BÌNH

Lô 3-3, Ngõ 08/2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vân Hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là Công ty) kính báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vân Hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được thành lập từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị Định số 18/CP ngày 17 tháng 03 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và quyết định số 1856/QĐ-UBKT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chia công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Vân Hóa Dầu và Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Vân Hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty số 0401420079 và Sổ Kế hoạch và Dữ liệu Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 04 năm 1998, được ký thay đổi lần thứ 30 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô 3-3, Ngõ 08/2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ DAN SẪM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm tài chính báo cáo của Công ty bao gồm:

Ông Lê Thế Ninh	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Hồng Bông	Thành viên	
Ông Hoàng Văn Bình	Thành viên	
Ông Hoàng Minh Anh Tô	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên	
Ông Đoàn Thanh Mỹ	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Thuận	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2023
Ông Bùi Minh Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính báo cáo của Công ty bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tô	Tổng Giám đốc điều hành
-----------------------	-------------------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Bà Thái Thị Phương	Thành viên
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty THƯỞNG KIỂM TOÁN AAC, có địa chỉ kinh doanh tại địa chỉ số 01/03 ấp Nhứt của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

LS-Hà, Miền CN1, Đường 11, KCN Tân Bình, P. Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ THỰC HIỆN CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tài chính tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính khác của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đi tuân theo các yêu cầu sau:

- Kế hoạch và quy trình làm việc nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất được sớm và sát thực tế dựa trên các số liệu ban đầu;
- Tuân thủ các chính sách kế toán tài chính và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đảm bảo tính minh bạch và đầy đủ của hợp lý và đáng tin cậy;
- Mọi số liệu chuẩn mực kế toán được áp dụng sẽ được nêu rõ trong báo cáo tài chính và được áp dụng một cách nhất quán và đồng nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất và các số liệu tài chính của Công ty theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể coi rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số liệu được lập dựa trên cơ sở phân tích tính trung thực của Công ty, với việc độ trung thực, hợp lý và đầy đủ của các số liệu báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc báo cáo và tuân thủ các quy định của Công ty và báo cáo các biện pháp thực hiện để ngăn chặn, giảm thiểu các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực thực tế hợp lý và đáng tin cậy của Công ty từ thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc báo cáo và tuân thủ các quy định của Công ty và báo cáo các biện pháp thực hiện để ngăn chặn, giảm thiểu các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Các tài liệu

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 20/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-STC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin của thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hương Minh Anh Tô
Tổng Giám đốc

Tân Bình, số 101/101, ngày 23 tháng 03 năm 2024



Số: 2000/2024/NHCH/ATD

HẠO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Ủy đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Áca Tài Chính

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty Cổ phần Việt Áca Tài Chính được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ tháng 06 đến tháng 06, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các tài khoản chi tiết kết thúc công việc và Thuyết minh tài chính của tài chính hợp nhất.

Trích nội dung của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tiến hành kiểm toán độc lập và trình bày trung thực và lập lý Đạo của tài chính hợp nhất của Công ty Việt Áca Tài Chính tại toà, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định phân bổ chi phí gián tiếp và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất về chi phí trích nhiệm và sửa đổi tài liệu và Ban Tổng Giám đốc các định là của tài chính để đảm bảo chi việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trong các dự đoán tài chính chính.

Trích nhiệm của Hội toán viên

Trích nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất của năm kết quả của năm kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tiến hành kiểm toán các quy định về các Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định và thực hiện các kiểm toán để đưa được sai sót báo hợp lý và báo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có sai sót tại 2024 và sai sót không.

Công việc kiểm toán này dựa trên việc kiểm tra các tài liệu và chứng cứ có sẵn, chúng tôi không thể xác định và thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được thực hiện dựa trên các định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, bao gồm việc ghi chú rõ ràng sai sót trong Báo cáo tài chính hợp nhất có gây ra hiệu chỉnh Báo cáo tài chính hợp nhất và sai sót, và đưa ra ý kiến về sai sót kiểm toán nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý và trình bày kế toán tài chính phù hợp với tài chính thực tế. Tuy nhiên không phải mục đích của chúng tôi là xác định và trình bày sai sót nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc ghi chú các thiếu sót của các chính sách kế toán được áp dụng và trình bày ý của các nhà kinh tế và các Ban Tổng Giám đốc cũng như trình bày các thiếu sót bằng bảng kế Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng, dựa vào bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và trình bày trung thực và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Ý kiến của Hội đồng nhà

Theo ý kiến của Hội đồng nhà, Hội đồng đã xem xét hợp nhất dự phân tích trong báo cáo hợp lý với các kết quả trong yêu cầu làm hồ sơ xin cấp Giấy phép Xây dựng Theo Hình lập ngày 11 tháng 12 năm 2021 theo quy định của Luật công tác Xây dựng và Luật hành chính (đây là lần đầu tiên của năm xin cấp hồ sơ xin cấp giấy, phí hồ sơ không còn về nhà). Đồng ý ký làm Quyết định cấp Giấy phép xây dựng hình lập và hình lập theo các chỉ dẫn.

Công ty TNHH Hàng Không Việt Nam



Và Nội dung
Số đăng ký
Giấy đăng ký công tác kinh doanh xây dựng
Số đăng ký công tác

Hàng Không Việt Nam
Số đăng ký công tác kinh doanh xây dựng
Số đăng ký công tác kinh doanh xây dựng

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Đơn vị tính	31/12/2023	
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGUYÊN HẠC		154.129.858.267	156.624.685.562
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	6.756.371.553	14.138.215.948
111	1. Tiền		6.756.371.553	12.363.724.813
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.774.491.135
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	72.650.300.187	62.154.520.919
121	1. Chứng khoán kinh doanh		616.049.276	661.266.879
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(14.199.973)	(254.312.370)
123	3. Phải thu ngắn hạn chứng khoán		720.811.90386	61.283.571.320
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		61.780.263.893	70.938.520.789
131	1. Phải thu ngắn hạn với khách hàng	3	47.856.346.317	48.275.121.749
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.017.377.137	21.335.385.883
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	987.539.353	728.013.156
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khác		(221.296.243)	(204.493.129)
140	IV. Hàng tồn kho	8	49.246.893.663	48.698.115.376
141	1. Hàng tồn kho		49.246.893.663	48.698.115.376
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.626.430.878	2.938.829.940
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	625.397.863	763.262.351
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		200.128.240	160.171.766
153	3. Thuế được khấu trừ phải thu Nhà nước	18	1.799.904.775	815.395.823
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		143.711.588.467	113.669.731.267
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		158.798.419	159.445.910
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	158.798.419	159.445.910
220	II. Tài sản cố định		61.127.614.218	58.273.721.878
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	57.264.288.018	49.043.563.398
222	- Nguyên giá		207.780.476.064	262.240.013.777
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(146.465.640.112)	(193.200.079.016)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	321.283.413	373.145.900
225	- Nguyên giá		1.108.116.000	1.108.116.000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(786.832.587)	(734.969.100)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	1.371.144.567	1.663.155.383
228	- Nguyên giá		6.248.319.197	6.248.319.197
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.877.174.630)	(4.585.163.814)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (Số: Đơn)

Mã số	TÀI SẢN	Đơn vị tính	31/12/2022	31/12/2021
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	11	25.263.262.879	25.016.783.900
231	- Nguyên giá		31.344.245.289	31.344.245.189
232	+ Giá trị hao mòn lũy kế		(6.081.184.190)	(2.918.842.289)
240	IV. Tài sản dở dang đầu tư	18	6.255.793.401	6.315.788.200
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6.255.793.401	6.315.788.200
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	8	24.883.225.322	24.994.342.891
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		24.385.204.826	24.274.243.851
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.599.020	1.999.790
254	3. Đầu tư nắm giữ đơn giản của ban		300.021.506	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		21.673.483.758	3.338.248.866
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	21.577.268.865	3.338.248.866
262	2. Tài sản chờ xử lý hoặc chờ bán	33 a	102.265.794	200.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		795.741.315.874	782.900.334.892

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN ĐỊNH

1A/33, Ngõ 03, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Đơn vị: VND)

Mã số	MÔ TẢ	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2022
			VND	VND
200	C. NGUỒN VỐN		108.394.602.641	83.861.558.872
300	I. Nguồn vốn		104.270.414.370	83.859.284.481
310	1. Đối tác ngoài hóa tệ	10	38.852.285.937	13.948.627.345
312	2. Nguồn vốn trả tiền trước ngắn hạn	11	1.164.540.934	3.407.204.966
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	3.259.612.900	2.241.672.965
314	4. Phải trả người lao động		8.793.715.683	13.905.177.169
315	5. Các khoản phải trả ngắn hạn		15.715.966	-
316	6. Khoản thu của các đơn vị liên quan		-	1.980.000.000
318	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	17.219.808.922	16.251.228.938
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	16.252.835.958	11.896.413.833
322	9. Quỹ lương thưởng, phúc lợi		703.268.775	718.908.779
400	II. Nguồn vốn		1.997.243.281	3.341.538.171
410	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	259.219.834	2.207.594.174
440	2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	22.8	1.017.433.667	1.114.544.597
900	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		228.544.546.383	219.261.816.277
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	228.544.546.383	219.261.816.277
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61.723.230.000	61.723.230.000
411a	Cổ phần phổ thông có mệnh giá		61.723.230.000	61.723.230.000
412	2. Tổng dự trữ công ty		177.662.684.440	177.662.684.440
413	3. Vốn thặng dư của chủ sở hữu		3.143.545.047	3.141.943.017
414	4. Cổ phiếu quỹ		(11.668.281.071)	(11.668.281.007)
415	5. Quỹ đầu tư phát triển		3.243.297.865	3.243.297.861
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.407.648.409	23.159.209.812
421a	Lợi nhuận chưa phân phối tích lũy của năm trước		21.419.690.271	17.724.254.709
421b	Lợi nhuận chưa phân phối năm này		9.987.958.138	9.712.670.826
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		336.741.312.871	312.383.174.849

(Chữ ký)

(Chữ ký)



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Kế toán Bộ

Nguyễn Thị Ngọc Huyền
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tô
Tổng Giám đốc

Trụ sở: 1A/33 Ngõ 03 Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 09 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Năm 2023

Số sĩ	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số và Tỷ lệ	
			Năm 2023 VNĐ	Năm 2022 VNĐ
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	361.082.597.574	291.691.289.195
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	(193.083.369)	(77.508.250)
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		360.738.554.211	289.915.918.945
11	4. Giá vốn hàng bán	25	(200.660.963.376)	(218.079.854.968)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		160.077.590.835	171.836.063.977
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	8.409.745.901	4.142.947.214
22	7. Chi phí tài chính	27	(1.970.291.678)	(2.283.450.728)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.859.788.512)	(2.243.910.161)
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		140.661.172	1.151.691.628
25	9. Chi phí bán hàng	28	(22.570.847.139)	(11.877.062.651)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(28.321.040.571)	(21.686.733.891)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.816.821.225	11.683.287.913
31	12. Thuế nhập khẩu	30	(2.234.847.992)	(48.783.233)
32	13. Chi phí thuế	31	(115.535.597)	(22.404.836)
40	14. Lợi nhuận trước thuế		5.466.437.636	11.612.100.844
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.466.437.636	11.612.100.844
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính	32	(1.022.283.313)	(2.006.916.179)
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính lại	33	(28.303.961)	(558.780.717)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.415.850.362	9.046.403.948
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		4.415.850.362	9.046.403.948
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lợi ích của chủ sở hữu	34	1.384	1.684



Nguyễn Thị Ngọc Huyền
 Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Huyền
 Kế toán trưởng

Hàng Minh Anh Tô
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG NIỀM

Năm 2023
 (Theo phương pháp gộp dồn)

Số hàng	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	
			VND	USD (tỷ đồng)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	A. Lợi nhuận trước thuế		2.565.491.278	11.370.278.260
	B. Điều chỉnh các chỉ tiêu			
02	- Khấu hao tài sản cố định và trả công nhân viên		16.895.076.145	73.057.092.371
03	- Chi thuế dự phòng		(107.306.864)	(462.273.852)
04	- Lợi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn và có giá ngoại tệ		516.917.202	(223.896.231)
05	- Lãi (lỗ) hoạt động tài chính		(5.733.476.281)	(248.257.811)
06	- Chi phí tài trợ		1.459.136.515	6.443.071.145
07	- Chi phí vào đầu chính sách		9.381.000	-
08	A. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh được quy đổi về VND		23.832.325.397	104.003.096.984
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		5.507.322.480	(23.826.476.914)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.481.225.314	(15.157.486.286)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không phải vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả)		9.184.687.227	40.182.714.437
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(17.251.262.945)	(75.697.646.412)
13	- Tăng, giảm công nhận lãi doanh nghiệp		75.489.545	(333.471.878)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.837.113.515)	(8.145.870.145)
15	- Thanh toán chấp công nghiệp đã nộp		(2.713.101.745)	(11.822.262.962)
16	- Tiền chi thuế chi hoạt động kinh doanh		(11.537.000)	-
18	Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh		25.644.165.759	112.078.073.688
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.415.729.432)	(98.042.455.773)
22	2. Tiền trả lãi doanh nghiệp, chi phí lãi và chi phí khác về các tài sản dài hạn khác		58.565.063	251.826.062
23	3. Tiền chi mua sắm, mua các công cụ nợ dài hạn và khác		(12.264.702.588)	(53.628.273.182)
24	4. Tiền thu hồi chi vay, bán lại các công cụ nợ dài hạn và khác		61.269.031.028	265.866.006.861
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.820.004.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	704.245.890
27	7. Tiền thu từ các tài sản, công cụ nợ ngắn hạn được bán		1.099.961.095	4.791.938.471
28	Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động đầu tư		69.634.877.816	303.828.428.489

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp giá gốc
tiền tệ)

Mã số	Chi tiết	Đơn vị tiền tệ	Năm 2022	
			(15 điều chỉnh)	
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
11	1. Tăng thu từ bán		81.138.687.908	79.241.895.858
14	2. Tiền trả nợ gốc vay		(77.931.167.315)	(81.068.345.857)
15	3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		(177.491.560)	(177.491.500)
18	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.718.104.100)	(3.900.505.870)
49	Lưu chuyển tiền khác từ hoạt động tài chính		(2.683.254.807)	3.094.486.891
50	Lưu chuyển tiền khác trong năm		(7.400.895.800)	3.118.881.898
60	Tăng và tương đương tiền đầu năm		14.150.215.848	11.803.724.158
61	Khi bằng với thay đổi từ giữ lại đối quy (Mạng xã hội)		5.731.897	(1.059.733)
70	Tăng và tương đương tiền cuối năm	3	6.735.071.951	14.126.218.848

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2023

1. ĐẶC BIỆM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Đặc điểm sản phẩm

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị quyết số 28/NQ ngày 27 tháng 03 năm 1990 của Chính phủ và chuyển đổi thành công ty cổ phần và chuyển đổi số 33/9-UB-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và việc công bố giấy tờ thành lập của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 031421079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1993, công bố thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty 4-00 Đường số 13 Ngõ 02, Ngõ 02, Đường số 1, KCN Tân Bình, P. Tân Phú, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 8.325.320.000 VNĐ, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 61.325.320.000 VNĐ; tương đương 6.132.533 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VNĐ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 390 người (tính ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 317 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong các lĩnh vực như xuất, nhập khẩu và vận chuyển hàng hóa và cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành may dệt may, ngành may giày;
- Sản xuất ngành vận chuyển hàng hóa;
- Sản xuất ngành vận chuyển và phân phối công nghệ thông tin;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ kho vận.

1.4. Các liên kết kinh doanh

- Công ty có các công ty con được lập dưới hình thức công ty như được liệt kê trong bảng sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ		Hoạt động kinh doanh chính
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ điều hành (%)	
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Điện Án Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Động Án Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ và vận hành
Công ty TNHH MTV Phát triển Điện lực Án Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ và vận hành

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN ĐỒA TÂN BÌNH

Lô 113, Khuôn CN2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tân Tạo, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
theo năm tài chính bắt đầu ngày 31/12/2014

Đơn vị: Tỷ đồng (trừ thuế)

Công ty số 45 công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại Việt Nam, SUI2014

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ hàng (%)	Tỷ lệ quyền hàng (%)	Thao động liên doanh cơ bản
Công ty Cổ phần Ia Thương mại Quảng cáo Án Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	37,50%	33,80%	Liên kết kinh

II. CHẾ ĐỘ VÀ CHỨC SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, Đơn vị đo lường áp dụng trong tài toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị đo lường áp dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo hình thức Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 52/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn bổ sung của Bộ Tài chính và Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 80/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại báo cáo tài chính này Công ty áp dụng chế độ kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành. Các Data của tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông lệ hướng dẫn của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Data của các thành viên của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát trên công ty con được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát được thực hiện bởi Công ty và dựa trên việc nắm các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty.

Data của tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số data thu được vì chi phí chi trả, kể cả các khoản bồi hay bù chưa được tính phải trừ từ các khoản chi và bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô 115, Ngõ 5, Đường số 11, Khu Tân Bình,
P. Tân Thuận, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.4 - Các dịch vụ khác

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu và trình bày, từ đó có thể ảnh hưởng đến khoản công nợ và tài sản của công ty tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu tài chính khác và chi phí trong các năm tài chính.

Các ước tính và giả định có thể khác trong yêu cầu Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giữa phải hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng của các tài sản vô hình;
- Phân loại và dự phòng các khoản chi trả tài chính;
- Các tình hình thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên việc nghiên cứu trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có thể tương tự với các yếu tố được lập luận hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 - Công cụ tài chính

Dài hạn bao gồm:

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tài sản được ghi nhận ban đầu, từ sau thì được ghi nhận theo giá mua trừ chi phí phát sinh cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát sinh từ các tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, lợi nhuận dồn tích đầu tiên đầu, các khoản nợ phải trả từ thuế được xác định theo giá phải trả cộng các chi phí phải trả khác xuất phát từ các giao dịch mua và phát sinh từ các tài chính đó.

Các công cụ nợ khác bao gồm:

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Theo cơ sở 20/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và được trình bày bằng chữ viết với công cụ tài chính bằng hàng đơn vị hàng đầu tương đương của Việt Nam. Các giả định và giả định ghi trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 - Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong tài khoản chi tiêu nội tệ quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch theo số khi đánh giá lại các khoản mục (tiền tệ có gốc ngoại tệ) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo quyền lực.

- Đối với khoản mục chi trả loại khác của áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nội địa Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN DŨA TÂN BÌNH

Lô 11, Ngõ 28/3, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Hợp đồng tài chính hợp nhất
Cấu trúc tài chính bổ sung ngày 11/12/2023

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ
- Đối với khoản mục phải trả là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tính đến các khoản chi lãnh hệ thống ghi theo kế hoạch trong kỳ và chính sách chi được ghi lại số dư các khoản mục tài sản và gốc ngoại tệ tài khoản theo quy định của pháp luật được hạch toán vào tài khoản hợp đồng tài chính của năm tài chính.

2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và các khoản gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền ngắn hạn có thể giao cho bất kỳ ngân hàng để thanh lý là các đơn vị, có tính thanh khoản cao, có giá trị được chuyển đổi ổn định thành các loại tiền xác định và không có biến động đáng kể về giá trị.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Công ty mua đầu tư được ghi nhận ban đầu theo số kế toán mua ghi gốc, bao gồm: Giá mua công cụ tài chính mua (quỹ đầu tư) trừ các phí mua/giữ, giao dịch, công cấp chứng từ, thuế, lệ phí và phí nhận hàng. Các phí mua bán đầu tư, giá trị của chứng khoán khác được ước định theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch công nhận liên quan. Khi thanh lý hoặc chuyển bán, giá vốn của chứng khoán khác được định theo giá trong sổ sách và trừ vào kết quả tài chính bằng phương pháp bình quân giá quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ước định theo ngày đáo hạn và ngày đáo hạn tài kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đối với việc nắm giữ chứng giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến cuối kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần đầu tư chính vào Tập đoàn chỉ phát hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty dựa trên đầu tư chính vào Tập đoàn và các khoản phát hành sau đó để tính thành tỷ số thuộc đầu tư kỳ báo cáo.
- Đối với phần đầu tư chính do chính việc thanh lý tài sản của các khoản lịch kỳ ghi kết quả được ghi nhận vào hàng của đầu tư vốn của các kỳ trước, Công ty chỉ định đầu tư chính vào các tài sản này trong hàng hóa hàng của đầu tư vốn sau đó để tính thành tỷ số thuộc.

Đối với việc nắm giữ chứng giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty dựa trên kết quả tài chính của các kỳ báo cáo của công ty liên doanh (sau đó phần mở đầu được phát hành là vốn chủ sở hữu, số dư kết thúc kỳ báo cáo trước, phần lợi của công ty liên doanh) để kết phần tài sản quản trị giao dịch công ty liên doanh. Các khoản phát hành liên quan đến Công ty trước khi báo cáo phần số vốn của Công ty trong kỳ trước hoặc là của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện định định giá trị khoản đầu tư trong của các kỳ trước và phần số vốn trong DL, để vào công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước.

Đối với tài chính của công ty liên kết được lập công kỳ với Lưu nội bộ và bất kỳ hợp nhất của Tập đoàn và có hàng của chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các đầu chính hợp nhất thích hợp để được ghi nhận là đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong tương hợp với các.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập công kỳ trước bao gồm: các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đơn vị khác không có quyền kiểm soát, công kiến kết quả của lợi nhuận. Hàng kế của các khoản được đầu tư, các kỳ ghi lại ban đầu của các khoản đầu tư này được được vào đầu đầu ghi gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định là theo giá gốc trừ đi chi phí phòng giảm giá khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

12 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam. Điện thoại: 028 3530 1111

Được sửa đổi thành hợp đồng
Chức năng từ trước tới nay ngày 31/12/2023

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào cuối năm mỗi năm và số dư của nó là:

- Đối với các khoản đầu tư không được tính doanh thu và mất lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán. Khi bán giá trị là bằng các chứng từ theo đơn lập cơ phòng.
- Đối với khoản đầu tư được lập dự phòng (không phải loại là không được tính doanh thu) và không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định từ đây thì các lập dự phòng, đơn lập giá trị là bằng các chứng từ phòng, các khoản đầu tư không được lập dự phòng là tại thời điểm báo cáo tài chính lập dự phòng các cơ vào báo cáo tài chính tại thời điểm lập dự phòng, các báo được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư trên giá của ngày báo cáo tài chính thì phải lập dự phòng phải theo kế toán theo quy định của pháp luật.

2.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn thanh toán, dài hạn ngắn hạn và phải theo dõi các giá trị khác theo dõi theo quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn theo bản chất của chúng theo quy định của pháp luật và kế toán của khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải trả được lập cho các khoản nợ phải trả ngắn hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khoản nợ vay nợ, các khoản hợp đồng hoặc các khoản nợ và nợ phải trả chưa đến hạn thanh toán nhưng khả năng không thanh toán được. Việc trích lập dự phòng nợ phải trả của hợp đồng thanh toán được chỉ ra vào thời gian trả nợ ghi trong hợp đồng thanh toán đầu. Công tính đến việc ghi hạn nợ phải trả các khoản nợ phải trả chưa đến hạn thanh toán nhưng khả năng không thanh toán được phải lập dự phòng nợ phải trả, mỗi năm, bất kỳ hoặc lập khoản của khoản nợ phải trả.

2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí vận chuyển và các chi phí khác liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận theo định nghĩa. Sau khi nhận hàng hóa, các chi phí khác liên quan tới chi phí vận chuyển và chi phí bảo quản được của hàng tồn kho lập hàng hóa ghi nhận theo giá trị thanh toán của hàng hóa.

Giá trị thanh toán của hàng tồn kho được xác định dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí vận chuyển để hoặc phát sinh chi phí vận chuyển và các chi phí khác liên quan tới chi phí.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai giá trị của phần chi được của hàng tồn kho vận chuyển và chi phí vận chuyển được vận chuyển chi phí nguyên vật liệu khác cho hàng tồn kho phải được phân bổ hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm mỗi năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho và giá trị thanh toán của hàng tồn kho.

2.11 Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê mướn

Tài sản cố định (tư nhân), tài sản cố định và hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê mướn được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HỮA TÂN BÌNH

Lô H.3, Mảnh CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tân Thành, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Hàng của tài chính hợp nhất
Được sửa đổi cuối lần được ngày 31/12/2023

Giảm giá giảm vốn góp

Như các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai và việc sử dụng tài sản và thanh toán kích hoạt mức hoạt động của chi phí theo các định giá ban đầu tài sản chỉ phí này được vào báo cáo kết quả kinh doanh giảm dần vào tài sản vô định hình khác.

Chi phí phát sinh phải trả sau thuế là sản phẩm để đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và kỹ thuật được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh khi được thực hiện trong năm tài chính phát sinh.

Tài sản vô định hình có hình thức được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tức thời tại thời điểm, hợp giá trị hợp lý cao hơn số trị hiện tại của khoản thanh toán tức thời (nếu có) cộng với chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động thanh toán chính (chẳng hạn như thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản vô định hình được ghi nhận theo nguyên giá, trừ chi phí khấu hao và giá trị còn lại. Khoản hao của tài sản vô định hình chỉ được tính đến khi tài sản này giảm giá trị hợp lý và tính vào chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, sửa chữa lớn bất kỳ nào.

Khấu hao tài sản vô định hình được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được xác định như sau:

- Nhà máy, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ khác	01 - 05 năm
- Tài sản vô định hình	01 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	10 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	01 - 05 năm

3.12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận và đo lường giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, trừ chi phí khấu hao và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với vòng đời khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà máy, vật kiến trúc	05 - 20 năm
--------------------------	-------------

3.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí chi phí xây dựng cơ bản của xây dựng và sửa chữa bất động sản đang xây dựng và chi phí chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác. Chi phí xây dựng cơ bản của chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí trực tiếp khác.

3.14. Thuế hoãn đóng

Thuế hoãn đóng là hợp đồng mua bán của công ty mua bán bất động sản và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về các chủ. Khoản thanh toán đối tượng của thuế hoãn đóng được thực hiện vào báo cáo kết quả kinh doanh khác nhau theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuế hoãn đóng.

3.15. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hợp đồng kinh tế chung không liên quan pháp nhân độc lập. Hợp đồng này có thể được đồng lập với một số bên hợp tác kinh doanh khác hoặc liên kết với một trong số các bên tham gia.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA VĂN BÌNH

Lê Thị Cẩm An, CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Bảng báo tài chính hợp nhất
Chiến lược kế hoạch kinh doanh ngày 01/12/2023

Các báo cáo tài chính được công bố và kế toán chi tiết trên trang hệ thống kế toán của công ty ghi chép và phân tích trong Báo cáo tài chính của công ty không phụ thuộc vào đây:

- Phần văn góp vốn tài trợ đóng góp vốn, được giải loại theo kế hoạch của tài trợ;
- Các khoản nợ phải trả phân tích riêng của mỗi bên tham gia vốn của Hội đồng;
- Phần nợ phải trả phải theo đúng pháp luật của công ty và các báo cáo ghi góp vốn của Hội đồng và hoạt động của Hội đồng;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần vốn phân được của Hội đồng công, với điều chi phí phải chi trả đúng với quy định hoạt động của Hội đồng;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn Hội đồng.

Khi đã nêu đồng kiểm soát đi vào hợp đồng, ĐC chuyển sang kinh doanh công việc được đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia vốn được phân chia phần hoặc doanh thu từ việc vận dụng và khai thác tài sản được phân chia và chịu các khoản chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HDD)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/HHH/TH/20 ngày 22/06/2008 giữa Công ty TNHH MTV Công đồng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Động Âu Lạc và Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Hải Thọ với các điều khoản chi tiết sau:

- Tài sản hợp tác HDD được chia sẻ theo mức vốn, hệ thống trình chi tiêu lương, hệ thống kiểm soát và quản lý tài chính của mỗi bên nước, hệ thống nhân viên, hệ thống kiểm soát các phát sinh công việc vận hành, quản lý trình chi tiêu và chi nhánh làm việc tại Công viên Văn hóa Dân tộc.
- Phạm vi hợp tác: Cả hai cùng nhau hợp tác kinh doanh, chia sẻ kinh nghiệm và hoạt động kinh doanh, quản lý các phần tại Công viên Văn hóa Dân tộc để tăng cường hoạt động kinh doanh, phát triển doanh thu và phân chia doanh thu theo quy định.
- Thời gian hợp tác: 7 năm tính từ ngày HDD được ký, đây là hoạt động kinh doanh.
- Hình thức hợp tác: Tài sản đồng kiểm soát.

3.46. Chi phí trả trước :

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến việc vận hành HĐHTK kinh doanh các sản phẩm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước có phân bổ dần vào kết quả hoạt động HĐHTK trong các năm kế tiếp sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước có liên quan chi phí của các HĐHTK được thực hiện tại thời điểm có thể xác định chắc chắn và đủ bằng lập các tài khoản phân bổ chi phí trả trước.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công ty chi trả các khoản chi phí của tài sản của Công ty nhằm giải quyết chi phí trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của tài sản tính theo 20 triệu đồng và chi phí được chi trả theo tỷ lệ chi trả là hai phần ba chi phí theo quy định hiện hành. Nguyên giá công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng đến 30 tháng;
- Chi phí sửa chữa tài sản, chi phí vận hành chi phí vận hành chi phí vận hành bình thường được ghi nhận theo chi phí theo số phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng Công ty 12 tháng đến 30 tháng;
- Chi phí trả trước được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hoạt động từ 30 tháng đến 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN ĐÓA TÂN BÌNH

Lô D1, Ngõ 5, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Được sửa đổi thành lập mới
Cấp cứu từ thành lập theo ngày 11/12/2021

2.17 - Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được đưa đến theo kỳ hạn phải trả, đối trong phải trả, bao gồm các khoản nợ phải trả và các yêu cầu khác theo các điều khoản của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn, nếu bao gồm các điều khoản hợp nhất của các báo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tài trợ liên quan.

2.18 - Vay và nợ phải trả khác từ chính

Đối với khoản nợ phải trả khác từ chính là tổng số của phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán bắt buộc đối tương đương với kỳ hạn của khoản phải.

Các khoản vay từ nợ phải trả khác từ chính được đưa đến theo cùng đối tượng của vay, bao gồm các khoản nợ kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ khác từ chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ đã theo đơn chi tiết theo ngoại tệ.

2.19 - Chi phí dự vay

Chi phí dự vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, tính doanh nghiệp khi phải thanh toán chi phí dự vay theo các yêu cầu của việc đầu tư vào doanh nghiệp của tài sản của dự án được tính từ giá trị của tài sản dự án (được vận chuyển) và các chi phí khác quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 15 "Chi phí dự vay". Ngoài ra, chi phí khác của riêng pháp lý, việc xây dựng tài sản cố định, chi phí của doanh nghiệp, chi phí được vận chuyển và chi phí khác của dự án, dưới 12 tháng.

2.20 - Chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả được đưa đến theo kỳ hạn phải trả, đối trong phải trả, bao gồm các khoản nợ phải trả và các yêu cầu khác theo các điều khoản của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn, nếu bao gồm các điều khoản hợp nhất của các báo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tài trợ liên quan.

2.21 - Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Trong đó vốn cổ phần phát hành thành lập công ty, chi phí thực nộp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phải trả cổ phiếu (đối với các trường hợp chi phí phát hành cổ phiếu cao) và các chi phí không dự được (sau khi phát hành xong) một số chi phí thực nộp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc chi phí dự (sau khi phát hành thực hiện xong) và chi phí thực nộp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.

Vốn khác được Vốn chủ sở hữu phát hành số vốn kinh doanh được tính thành chi bổ sung và kết quả hoạt động kinh doanh hoặc chi được tăng, giảm, chi trả, thanh giá trị tài sản (nếu được phép ghi nợ, giảm vốn chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước hoặc hiệu lực của luật chứng khoán 2010 (ngày 01 tháng 01 năm 2011) nhưng chưa bị hủy bỏ vì nó được tái phân bổ tài trợ trong khoảng thời gian hiệu lực của các quy định về chứng khoán, cổ phiếu quỹ mua vào ngày 01 tháng 01 năm 2011, nó được hủy bỏ và chi phí thực nộp của cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

L3113, Nhòn CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Được vào sổ kinh doanh ngày
Chợ năm tại chính kể theo ngày 31/03/2023

Lợi nhuận sau thuế của phần vốn góp của các thành viên (b) sau thuế của công ty được quyết định phân phối như sau: hoặc có thể theo Công ty

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả với Công ty đối kế toán của Công ty với nội dung tương ứng của các nội đồng. Công ty sẽ thực hiện trả cổ tức ngay hoặc quyết định trả cho các Thành viên theo quy định của Công ty và Bộ tài chính kế toán Việt Nam.

2.22. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và đối tượng nhận được các lợi ích kinh tế có thể đo lường một cách đáng kể. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán mà Công ty nhận được về mặt thực tế hoặc khả năng thanh toán, gồm giá hàng bán, hàng hóa và các dịch vụ ghi nhận về mặt lý thuyết được chấp nhận khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu Bán hàng

- Phần lớn của cơ sở tài sản bán, với quá trình của sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu, bằng hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu hàng cấp dịch vụ

- Các dịch vụ được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Doanh thu Hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi nhận tiền mặt hoặc (2) điều khoản sau:

- Các khoản lãi thu được từ các khoản đầu tư tài chính;
- Doanh thu được xác định trong các khoản đầu tư.

2.23. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm, hàng cấp dịch vụ phát sinh trong năm kinh doanh và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ hàng hóa, hàng hóa và các khoản giảm trừ hàng hóa cấp dịch vụ được điều chỉnh giá trị doanh thu các khoản phát sinh. Trường hợp các khoản giảm trừ hàng hóa, dịch vụ đã xảy ra từ các năm trước, đơn vị và một năm đến các khoản giảm trừ doanh thu đã được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: chỉ phát sinh trước khi diễn ra các dịch vụ của tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu năm báo cáo đã phát sinh hàng hóa và các khoản giảm trừ của năm lập báo cáo (năm trước) và nếu phát sinh sau thời điểm phát sinh hàng hóa thì chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm trước).

2.24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận như hợp với doanh thu phát sinh trong năm và được báo cáo theo người bán hàng trong các trường hợp bán lại giá trị hàng hóa một cách chắc chắn, chỉ phát sinh định mức hàng hóa, hàng hóa theo quy định của pháp luật và trả đi phần trích chuyển của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.25. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến việc hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí lãi vay;
- Các khoản lỗ do đánh giá chuyển nhượng chứng khoán mua, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng từ chối đầu tư vào đơn vị liên quan bị giải mã là lừa đảo, ngày 18/12/2023 giảm 100 triệu đồng...

Các khoản này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bị trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDH hợp nhất và Chi phí thuế TNDH hoãn lại

Chi phí thuế TNDH liên quan đến các dịch vụ và lợi ích được chi trả thuế trong năm và thuế các thuế TNDH trong năm tài chính hiện tại.

Chi phí thuế TNDH hoãn lại được xác định trên cơ sở là chính sách tạm thời được hoãn trả, số thuế hiện tại chờ chi trả và thuế hoãn trả TNDH.

Không có trả các phí thuế TNDH hiện tại và chi phí thuế TNDH hoãn lại.

b) Thuế các thuế TNDH hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDH là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDH.

2.27. Tài sản vô hình

Tài sản vô hình có phát sinh từ công tích của lợi nhuận hoặc là mua phải giá trị của cổ phiếu công ty hoặc cổ phiếu quỹ công ty (sau khi đã điều chỉnh các việc trích lập Quỹ Xúc tiến, Quỹ lợi và Quỹ Khuyến Học đầu tiên) của số lượng tiền quản lý ngoài của số cổ phiếu quỹ công ty mua lại công ty trong năm.

2.28. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên quan trọng nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với báo cáo tài chính và quyết định về các chính sách tài chính và hợp đồng. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian về quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cổ đông ý chủ Công ty mẹ và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền kiểm soát của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đến với Công ty, những nhân sự quản lý cấp cao của Công ty, thành viên của một tổ chức quản lý đầu của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp là các cổ phần chủ sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp qua trung gian nắm quyền hoặc có ảnh hưởng đáng kể tại các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hàng năm, Công ty xác định bên nào có mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN HÒA TÂM BÌNH

1/3 Đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.9 - Thông tin bổ sung

Mọi bộ phận là một cấu phần có thể tạo nên tổng thể của Công ty nhưng chỉ vào báo cáo tổng hợp báo cáo phần hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận dựa trên hoạt động kinh doanh). Mọi cung cấp tài chính hoặc dịch vụ trong nội bộ trường hợp không thể (bộ) phân được chia theo tiêu chuẩn đầu tiên. Mọi bộ phận này đã bị trừ và chỉ được lợi ích kinh doanh và vị trí của bộ phận khác.

Theo tin tức phân bổ hợp và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được hiệu quả hoạt động của Công ty theo các tiêu chuẩn.

3 - TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	31/12/2022
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	1.034.994.291	100.892.059
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.406.377.241	12.214.850.892
Các khoản tương đương tiền	-	1.034.880.709
	<u>6.738.371.532</u>	<u>14.139.215.660</u>

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư sẵn sàng để ngày đầu hạn**

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Đầu tư ngắn hạn	72.048.198.000	-	61.600.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	72.048.198.000	-	61.600.000.000	-
Đầu tư dài hạn	218.222.100	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (**)	218.222.100	-	-	-
	<u>72.266.420.100</u>	<u>-</u>	<u>61.600.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Từ ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư có kỳ hạn từ 15 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng đang hoạt động với lãi suất từ 4,2% đến đến 10,75%/năm. Trong đó, khoản cho vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tân Bình với số tiền 2.842.740.000 VNĐ được dùng để đầu tư của Công ty khoản này tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tân Bình.

(**) Từ ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư có kỳ hạn 24 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 10,4%/năm đến 6 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN ĐỒA TÂN BÌNH

15 Đường số 11, KCC Tân Bình, B. Thị trấn D. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Đã cấp lại sách hợp nhất
 và bảng cân đối kế toán từ 1/1/2022

4. CÁC KHOẢN MÃI TỬ TÀI CHÍNH QUÝ 06/2022

4.1. Chứng khoán bảo lãnh

	31/12/2021		30/06/2022		Đổi (tăng /giảm) VNĐ
	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	
- Tổng giá trị sổ sách	816.340.376	801.505.301	681.018.879	855.305.968	(225.313.978)
- Công ty Cổ phần Trại Quốc tế Việt Nam - Tân Bình (M&A: BSC)	-	-	27.203.000	28.000.000	(797.000)
- Công ty Tổng Công ty Xây dựng - EPC (M&A: H&C)	-	-	34.400.000	20.200.000	14.200.000
- Công ty Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Công nghệ (M&A: H&C)	61.340.376	60.820.300	46.623.800	46.623.800	10.696.576
- Công ty Tổng Công ty Sản phẩm (M&A: BSC)	255.400.000	261.443.000	-	-	(560.000)
- Công ty Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Công nghệ (M&A: BSC)	117.500.000	116.500.000	6.000.000	-	10.500.000
- Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Công nghệ (M&A: BSC)	1.000.000	107.0.000	6.000.000	161.112.168	(154.112.168)
Cộng lại	816.340.376	801.505.301	681.018.879	855.305.968	(225.313.978)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán bảo lãnh được xác định theo giá đóng cửa của thị trường chứng khoán vào ngày 30/06/2022 và 31/12/2021 và 31/12/2020.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

Ngày 01/12/2023, Ủy ban góp vốn Công ty vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng An, địa chỉ: 11.27.00A, Cầu Lộ, phường Phú Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/12/2023, tổng vốn góp là 200.000.000 VND.

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng An đã lập có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động kinh doanh chế in các loại văn bản.

a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị liên kết

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị liên kết	151.998.200	150.000.000		
- Công ty Cổ phần In Thương mại - ĐQP (11.27.00A) (i)	100.000.000	100.000.000		
- Công ty Cổ phần Giấy Lát Hào (11.27.00B) (ii)	51.998.200	-	50.000.000	-
	151.998.200	150.000.000	100.000.000	150.000.000

(i) Đơn vị liên kết được tạo ra do sự hợp ý trong quá trình mua của công ty đầu tư vào đơn vị liên kết (PCCO) và ngày 30/12/2023 là 200.000.000.

Công ty đầu tư vào đơn vị liên kết (ii) đã được đầu tư và nắm quyền kiểm soát và điều hành bởi Công ty Cổ phần Giấy Lát Hào, đơn vị liên kết này sở hữu phần lớn quyền.

f. PHẢI THU NGÂN HÀNG CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá trị	Đã giảm	Giá trị	Đã giảm
	VND	VND	VND	VND
Liên kết:				
Công ty Cổ phần Bảo Việt Nhân Bảo Việt Nhân	8.290.540.250	-	8.946.811.252	-
Công ty TNHH MH Group Market City Rosa	181.232.302	-	4.505.856.298	-
Công ty Cổ phần Thương mại Triển vọng TM	44.000.000	-	950.000.000	-
Công ty TNHH MTC Logistics Vina Nova	3.484.302.475	-	-	-
Công ty TNHH Kỹ Thuật Xây Lập Công Thương (VTC Sài Gòn)	1.007.340.000	-	-	-
Thủ tục khách hàng khác	29.518.773.177	(221.296.245)	26.413.200.189	(208.490.179)
	<u>47.426.218.637</u>	<u>(221.296.245)</u>	<u>46.825.328.749</u>	<u>(208.490.179)</u>

g. TRẢ THU NGÂN HÀNG SẴN ĐÓNG NGÂN HÀNG

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá trị	Đã giảm	Giá trị	Đã giảm
	VND	VND	VND	VND
Liên kết:				
Công ty Cổ phần Newborns An Phu	-	-	1.783.360.961	-
Công ty Cổ phần Kính cường lực Nova	6.234.718.612	-	8.296.718.612	-
Công ty Cổ phần Mineral	11.012.892.298	-	2.612.869.248	-
Công ty TNHH MTC Logistics Vina Nova	-	-	2.299.409.922	-
Tài khoản của người bán khác	5.130.295.207	-	3.405.292.321	-
	<u>16.377.917.127</u>	<u>-</u>	<u>21.397.651.064</u>	<u>-</u>

7. PHẢI THU KHÁC:

	31/12/2022		01/01/2023	
	Giá trị VNĐ	Tỷ trọng VNĐ	Giá trị VNĐ	Tỷ trọng VNĐ
a) Ngân hàng				
- Ngân hàng Việt - Ngân hàng Việt Nam - Ngân hàng Công - Ngân hàng Việt Nam - Ngân hàng Việt Nam - Ngân hàng Việt Nam - Ngân hàng Việt Nam - Ngân hàng Việt Nam	27.709.537	-	180.560.978	-
- Ngân hàng Việt Nam	304.015	+	3.500.500	-
- Ngân hàng Việt Nam	-	-	225.470	+
- Ngân hàng Việt Nam	-	-	6.324.500	-
- Ngân hàng Việt Nam	60.700.436	+	340.791.200	-
- Ngân hàng Việt Nam	307.225.564	+	286.757.666	+
	<u>327.914.572</u>	<u>-</u>	<u>798.447.334</u>	<u>-</u>
b) Chi trả				
- Chi trả, kỳ quá	189.150.470	-	189.448.918	-
	<u>189.150.470</u>	<u>-</u>	<u>189.448.918</u>	<u>-</u>

8. NGUYỄN KẾ:

	31/12/2022		01/01/2023	
	Giá gốc VNĐ	Giá trị có thể thu hồi VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị có thể thu hồi VNĐ
Thặng dư từ các khoản phải thu, chi phí trả lại thanh toán hoặc chi trả hợp đồng không thể có kết quả thu hồi:				
- Công ty TNHH Bảo Hiểm Phương Nam	84.408.747	-	84.408.747	-
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Nhà Văn	35.340.000	-	35.340.000	-
- Nhà Sách Nguyễn Văn Cội	19.408.500	-	19.408.500	-
- Dữ liệu khác	82.995.895	-	87.576.973	-
	<u>222.153.142</u>	<u>-</u>	<u>226.734.170</u>	<u>-</u>

9. HÀNG TÍN DỤNG

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VNĐ	Chi giảm VNĐ	Giá gốc VNĐ	Chi giảm VNĐ
Người mua, vật lưu	17.237.473.287	-	18.434.155.862	-
Công cụ dụng cụ	2.259.879.479	-	1.217.083.687	-
Chi phí mua sắm kính doanh số đang	538.816.565	-	8.943.084.221	-
Tài sản phải hàng hóa	18.836.052.331	-	18.694.324.117	-
Hàng tồn	1.233.676.689	-	492.721.169	-
	<u>19.334.842.652</u>	<u>-</u>	<u>48.878.338.876</u>	<u>-</u>

10. TÀI SẢN DỒI DANG DÀI HẠN

	31/12/2023	31/12/2022
	VNĐ	VNĐ
Nhà dụng cụ bán lẻ đang	248.417.264	-
- Dự án đầu tư xây dựng hệ thống PXCT của Hệ thống điện Hàng khang vật lưu	141.005.564	-
- Đầu tư mua lại, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	107.411.699	-
Mua sắm tài sản cố định	6.809.262.047	5.089.801.898
- Mua sắm của bộ S&S (A&R) (*)	3.698.238.106	3.698.238.106
- Mua sắm của bộ Caladen (**)	3.111.023.941	1.391.563.792
Sản xuất lưu hành của cổ phiếu	-	624.899.408
- Chi phí sửa chữa của nhà văn phòng	-	264.697.178
- Mua sắm máy móc thiết bị	-	359.202.230
	<u>7.057.679.311</u>	<u>6.518.793.298</u>

(*) Các khoản chi phí liên quan đến việc mua sắm bộ sự kiện S&S (A&R) của Nhà Đầu tư nước ngoài tại địa chỉ S&S (A&R) của Nhà Đầu tư nước ngoài đã được chuyển giao quyền sử dụng đất, tính từ thời điểm 3/12/2023, công trình đã hoàn thiện một phần và đang chờ triển khai các thủ tục pháp lý và quyền sử dụng đất để đưa vào sử dụng.

(**) Các khoản chi phí liên quan đến việc mua sắm bộ sự kiện Caladen thuộc địa chỉ Caladen City Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với diện tích cao chuyển giao quyền sử dụng đất, tính từ thời điểm 3/12/2023, công trình đã hoàn thiện một phần, đang chờ hoàn tất các thủ tục pháp lý và quyền sử dụng đất để đưa vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN HÒA TÂN MIỀN

Địa chỉ: Khu CN 2, Công xã 11, E73 Thị trấn, P. Tân Thuận, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Đơn vị kế toán hợp nhất
Chức năng kế toán tài chính ngày 31/12/2023

II - TÀI SẢN CỔ PHẦN HỮU MIỀN

Mô tả chi tiết	Số dư đầu năm		Số dư cuối năm		Thay đổi trong năm		Số dư cuối năm		Giá trị	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Người giữ										
Số dư đầu năm	67.507.697.640	114.888.807.500			73.835.671.648	1.882.115.231		651.693.371		182.340.002.111
- Nhà trong dân	226.530.000	7.715.000.100			2.189.222.222	664.433.282		-		18.628.180.214
- Các quỹ được coi là tài sản thành		11.871.680.128			-	-		-		1.492.860.198
- Thuế (tư, doanh nghiệp)		-			609.220.000	-		-		705.224.200
Số dư cuối năm	67.507.697.640	126.759.487.628			74.024.893.870	1.882.115.231		651.693.371		203.566.266.703

Ghi chú liên quan (tính bằng VND)

- Kế toán trong dân	30.400.255.240	46.082.110.631			16.337.568.538	1.730.391.009		174.293.340		111.209.022.008
- Thuế (tư, doanh nghiệp)	1.951.290.500	8.634.200.823			1.772.176.808	444.039.238		(117.282.844)		13.793.810.266
Số dư cuối năm	32.351.545.740	54.716.311.454			18.109.745.346	2.174.430.247		556.910.496		125.002.832.274

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	16.523.829.609	28.182.587.279			1.908.111.412	171.024.182		811.900.61		39.190.000.000
Tại ngày cuối năm	12.198.140.000	24.792.342.111			4.287.294.864	200.881.136		277.481.475		57.264.590.000

Bảng số

- Các tài sản (tư, doanh nghiệp) được coi là tài sản thành lập nên từ các khoản đầu tư của công ty và các khoản đầu tư khác của công ty.
- Nguồn gốc của các tài sản cổ phần được coi là tài sản cổ phần được hình thành từ các khoản đầu tư của công ty và các khoản đầu tư khác của công ty.

III - TÀI SẢN CỔ PHẦN THƯỜNG TRÚC

Tại năm có hiệu lực là chính xác (tính bằng VND). Các tài sản cổ phần được hình thành từ các khoản đầu tư của công ty và các khoản đầu tư khác của công ty.

13. TÀI SẢN CỔ PHẦN VỐ BÌNH

	Giá trị phần sở hữu VNĐ	Phần nhận góp vốn VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.943.608.897	706.645.304	6.943.608.897
Số dư cuối năm	<u>6.937.985.893</u>	<u>706.645.304</u>	<u>6.944.631.197</u>
Giá trị hợp nhất kỳ kết			
Số dư đầu năm	2.577.229.713	706.645.304	3.283.875.017
- Chiếu khấu hàng năm	149.303.413	-	149.303.413
Số dư cuối năm	<u>2.726.533.126</u>	<u>706.645.304</u>	<u>3.433.178.430</u>
Giá trị còn lại			
Lại ngay đầu năm	3.669.435.383	-	3.669.435.383
Tại ngày cuối năm	<u>3.511.144.867</u>	<u>-</u>	<u>3.511.144.867</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản sở hữu cổ phần của đơn vị thành lập ban đầu bằng vốn góp là 706.645.304 VNĐ.

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐƯỢC TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà số 112A Đường số 11 tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê. Nguyên giá tài sản đầu tư 01/01/2022 và 31/12/2022 là 2.544.245.136 VNĐ; hao mòn lũy kế tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022 lần lượt là 25.619.842.566 VNĐ và 26.546.186.110 VNĐ, khấu hao hàng năm là 725.241.824 VNĐ.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư được định giá và xác định một cách chính xác tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên đánh giá cho thuê và giá trị trường giá các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư là hợp lý và có thể thay đổi trong kỳ kế toán tiếp theo.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023 VNĐ	01/01/2023 VNĐ
a) Nguyên giá		
Công cụ dụng cụ mua sắm	387.373.834	893.950.243
Bảo hiểm nhân thọ và xe ô tô	5.281.259	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	42.782.199	141.569.404
	<u>435.437.292</u>	<u>1.035.519.651</u>
b) Đã hao		
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình	204.625.481	874.096.968
Công cụ dụng cụ mua sắm	26.771.110.483	2.449.819.644
Chi phí trả trước dài hạn khác	146.112.624	28.862.519
	<u>277.509.288</u>	<u>3.352.779.131</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VAN HÒA TÂN BÌNH

Lê Hồng, Quận Cầu Giấy, Đường số 11, KĐT Tân Bình,
 2, Tây Hồ, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÀN HẠN

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số và đơn vị tính là		Số và đơn vị tính là	
	USD	VND	USD	VND
Mỹ Anh quốc Công Ty Cổ Phần là Thành viên Liên Kết	9.128.209	9.128.209	-	-
Đơn vị khác	19.948.627.943	19.948.627.943	19.948.627.943	19.948.627.943
Đơn vị khác	10.321.329.884	10.321.329.884	-	-
Đơn vị khác	-	-	2.238.063.608	2.238.063.608
Đơn vị khác	2.400.000.000	2.400.000.000	2.410.748.100	2.410.748.100
Đơn vị khác	15.268.879.443	15.268.879.443	15.268.879.443	15.268.879.443
	<u>18.283.468.931</u>	<u>18.283.468.931</u>	<u>19.948.627.943</u>	<u>19.948.627.943</u>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÀN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	USD		USD	
	USD	VND	USD	VND
Đơn vị khác	1.164.544.524	1.164.544.524	3.497.204.968	3.497.204.968
Đơn vị khác	-	-	128.908.653	128.908.653
Đơn vị khác	-	-	2.931.428.592	2.931.428.592
Đơn vị khác	-	-	436.059.000	436.059.000
Đơn vị khác	325.130.458	325.130.458	-	-
Đơn vị khác	325.255.000	325.255.000	-	-
Đơn vị khác	650.115.000	650.115.000	938.605.970	938.605.970
	<u>1.164.544.524</u>	<u>1.164.544.524</u>	<u>3.497.204.968</u>	<u>3.497.204.968</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN HÒA TÂN BÌNH

Số 15, Đường số 2, Phường 11, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Độc lập tài chính và kế toán ngày 31/12/2022

18. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ KHÁC (USD)

	Số phải trả đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số chi trong năm		Số phải trả cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Tài sản ngắn hạn	370.020.148	198.371.244	62.830.818.892	11.891.857.178	72.782.676	288.615.332				
Tài sản khác, không trả	-	-	487.128.812	487.128.812	-	-				
Tài sản chấp thuận ứng trả	35.941.903	1.693.116.101	6.811.454.322	2.379.311.793	199.111.822	90.114.088				
Tài sản nộp về nhà	62.830.000	286.450.582	2.344.534.631	3.338.111.524	-	304.578.633				
Tài sản khác, tài sản dài hạn	-	-	55.128.273	21.828.248	-	33.436.229				
Các loại tài sản	-	53.201.337	768.194.944	862.566.631	-	-				
Tổng tài sản và các khoản phải nộp khác	-	-	17.272.246	11.739.668	-	-				
	478.852.143	2.241.613.965	16.216.238.521	18.968.938.428	122.793.282	1.253.913.896				

Chi phí tài chính của Công ty sẽ chi trả bằng tiền mặt có sẵn tại số tài khoản chi trả có liên quan đến tài khoản chi trả của Công ty và các tài khoản chi trả khác của Công ty, số tài khoản chi trả khác của Công ty chi trả theo ngân hàng của Công ty.

19. PHẢI TRẢ NGAY VÀY NỢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
- Khoản phải công nhân	90.194.128	90.569.070
- Thuế phải nộp	167.627.827	1.046.825
- Thuế hoãn nộp	68.923.428	1.243.428
- Thuế phải nộp khác	34.311.794	-
- Khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.231.182.572	7.231.182.572
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	119.726.000	111.541.130
- Quỹ phải trả ngắn hạn khác	1.072.522.162	1.072.522.162
- Tài khoản ứng lương khác	600.817.426	422.124.424
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.900.000.000	5.925.083.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	272.583.970	680.363.655
	17.213.613.922	16.251.228.976

(T) Khoản nợ ngắn hạn là một chi phí tài chính phải trả theo hợp đồng và hợp đồng mua bán hàng hóa và tài sản khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẮN HỒA TÂN ANH

16/12/2023, 08:52, Ngày 21/12/2023, Địa chỉ: P.17, Khu Phố 1, Phường Tân Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Đã cấp số dư cuối kỳ cuối
 (Số dư là giá trị cuối cùng ngày 21/12/2023)

36 - VAY VÀ NHƯỢNG CẢM ƠN

	Số dư đầu kỳ		Số dư cuối kỳ		Số dư cuối kỳ		Số dư cuối kỳ VNĐ
	Số dư đầu kỳ VNĐ	Số dư cuối kỳ VNĐ	Số dư cuối kỳ		Số dư cuối kỳ VNĐ	Số dư cuối kỳ VNĐ	
			Tiền	Chứng vốn			
a) Vay ngắn hạn							
• Ngân hàng Ngân hàng	30.798.183.245	30.798.183.245	31.135.947.209	75.291.255.112	36.700.463.439	14.996.663.438	
• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	18.295.158.245	18.160.158.245	19.812.811.252	69.903.407.236	34.200.463.438	16.190.663.218	
• Ngân hàng TMCP A Châu - Chi nhánh phố Hồ Chí Minh	702.000.000	1.129.444.889	1.100.000.000	11.000.000.000	-	-	
• Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	4.935.963.000	6.298.593.000	-	6.398.593.000	-	-	
• Ngân hàng TNHH Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	-	-	400.000.000	400.000.000	-	-	
• Công ty Cổ phần Ngân Hàng Sài Gòn	-	-	120.041.200	120.041.200	-	-	
• Ngân hàng định hạn nội địa	1.086.278.200	1.858.379.560	881.570.900	898.370.900	1.891.570.900	1.531.370.900	
• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	300.000.000	120.000.000	130.000.000	120.000.000	214.000.000	214.000.000	
• Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thủ Đức	300.000.000	688.000.000	673.000.000	-	1.000.000.000	1.200.000.000	
• Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thủ Đức	777.000.000	1.011.000.000	1.771.000.000	1.771.000.000	1.771.000.000	1.771.000.000	
• Ngân hàng định hạn nội địa							
Tổng cộng	33.888.473.895	41.866.673.905	81.503.188.000	207.791.665.302	96.292.101.838	21.292.652.998	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẮN BÓNG TÂN BÌNH

16/13, Khu phố CN12, Phường 11, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Mã báo tài chính hợp nhất
 Công ty Cổ phần Vắn Bóng Tân Bình

II - VẬT VÀ MỤ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	01/01/2023		31/12/2023	
	Số có/Số nợ phải		Số có/Số nợ phải	
	VND	VND	VND	VND
III - Vay dài hạn				
- Ngân hàng, Tổ chức tín dụng Thương mại	1.451.468.000	1.253.250.000	74.221.000	104.287.000
- Nhà - Chủ nhân/Thị trường	1.000.000.000	1.426.882.494	1.176.000.000	1.456.882.494
- Ngân hàng, Tổ chức tín dụng Thương mại	400.510.000	451.510.000	111.493.000	281.526.500
	1.295.988.000	1.555.962.494	1.061.714.000	1.491.905.994
Chi phí lập hồ sơ lập tài trợ trong vòng 12 tháng	(1.069.170.000)	(1.269.170.000)	(1.069.170.000)	(1.269.170.000)
Khoản nợ Chính sách không trả lãi	1.295.988.000	1.286.792.494	992.544.000	1.222.735.994



Tổng tài sản tài chính gồm các khoản vay ngắn hạn

- (1) Hợp đồng vay với ngân hàng của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận gồm 02 hợp đồng với điều khoản chi tiết như sau:
- (a) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 50/2022/CTD/NHTW ngày 28/08/2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình, theo hạn mức hợp đồng cấp tín dụng số 1818/T2022-KON/1617 ngày 15 tháng 10 năm 2022 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 43.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Tài trợ trả của số ngắn hạn (phần vay ngắn hạn xuất khẩu doanh nghiệp);
 - + Thời hạn vay và hạn mức cho vay: Đến hết ngày 31 tháng 09 năm 2024;
 - + Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày ký hiệu vay;
 - + Lợi suất cho vay: 7,8% mỗi kỳ cùng cho từng lần cho vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 19.000.000.000 VND;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với tài sản của vay của và chi được đăng ký giao dịch bảo đảm như sau:
- (b) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 50/2022-KH/23/01 ngày 29/08/2022 được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số vốn cho vay: 15.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: Đến hết ngày 29/08/2024;
 - + Lợi suất cho vay: Theo thỏa thuận giữa hai bên;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 10.000.000.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm cho vay: Từ ngày 21/12/2022, khoản tiền gốc cơ sở là 2.000.000.000 VND được bảo đảm bằng các tài sản của doanh nghiệp.

Tổng tài sản tài chính gồm các khoản vay dài hạn

- (2) Hợp đồng vay với ngân hàng của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh (3) Bình Thuận gồm 02 hợp đồng với các điều khoản chi tiết như sau:
- (a) Hợp đồng tín dụng số 63/TBN/EDN/0074 ngày 12/03/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 600.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mua tài sản cố định (máy móc và thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh);
 - + Thời hạn của hợp đồng: 48 tháng;
 - + Lợi suất cho vay: 8,75%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 252.500.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 10.000.000 VND;
 - + Hình thức đảm bảo: 02 xe ô tô tải (xe số 0277777 và NMR33154) làm thế chấp từ việc vay.
- (b) Hợp đồng tín dụng số 50/2022-KON/04/0074 ngày 05/08/2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mua tài sản cố định (máy móc và thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh);
 - + Thời hạn của hợp đồng: 54 tháng;
 - + Lợi suất cho vay: 8,75%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 200.000.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 128.400.000 VND;
 - + Hình thức đảm bảo: 01 xe Ford Ranger Wildtrak Nhập khẩu và 02 xe Benli (Mô tô của công ty).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG TÂN BÌNH

Lô 1-1, Ngõ 15, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tân Phú, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Hóa đơn tài chính hợp lệ
Chưa qua tài chính kể từ ngày 31/12/2021

(1) Hợp đồng cấp tư liệu số 2021/022028 ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa Công ty Cổ Phần Văn Phòng Tân Bình và Công ty Cổ Phần Văn Phòng Tân Bình, với các điều khoản như sau:

- Số báo cáo vay: 1.200.000.000 VNĐ;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền đặt cọc theo Văn bản Thỏa thuận số VTCV-18462/2021/VCTN/VH-VTCB;
- Lãi suất cho vay: Chỉ tính trên tiền mặt vay;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.402.083.450 VNĐ. Trong đó, nợ dài hạn đến kỳ trả trong 12 tháng tới là 1.200.000.000 VNĐ;
- Công ty nhận báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Văn Phòng Tân Bình, thành lập khoản vay từ đơn vị VTCV-18462 thuộc Khu vực kinh tế Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và đã được đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán.

Tổng doanh thu từ bán hàng hóa các kỳ tính từ thời điểm trước:

(2) Hợp đồng thuê tài chính số 2021/041/0902 ngày 22/01/2022, với các điều khoản chi tiết sau:

- Loại tài sản: Hệ thống máy tính nội bộ;
- Tổng giá trị nguyên giá: 377.990.563 VNĐ;
- Thời hạn thuê: 03 tháng;
- Lãi suất: 8,54%;
- Số dư nợ gốc của phần trả 281.035.740 VNĐ. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 377.990.563 VNĐ.

CÁC TỶ CÓ PHẦN VÀ PHẦN TỬ NHỎ

Số dư cuối kỳ 2023: 1.500.000.000 VNĐ (Số dư đầu kỳ 2023: 1.500.000.000 VNĐ)

ĐIỀU CHỈNH CÁC TỶ CÓ PHẦN VÀ PHẦN TỬ NHỎ

Số dư cuối kỳ 2023: 1.500.000.000 VNĐ (Số dư đầu kỳ 2023: 1.500.000.000 VNĐ)

II - SỐ DƯ CUỐI KỲ 2023

Đang chờ điều chỉnh các tỷ có phần và phần tử nhỏ

	Số dư đầu kỳ 2023		Số dư cuối kỳ 2023		Số dư cuối kỳ 2023		Số dư cuối kỳ 2023	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
Số dư của các tài khoản đang chờ điều chỉnh	61.795.823.000	127.582.034.000	3.143.945.847	6.287.891.693	12.003.891.693	24.007.723.861	24.003.891.693	48.007.723.861
Số dư của các tài khoản đang chờ điều chỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư của các tài khoản đang chờ điều chỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư của các tài khoản đang chờ điều chỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư của các tài khoản đang chờ điều chỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư của các tài khoản đang chờ điều chỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 2023	61.795.823.000	127.582.034.000	3.143.945.847	6.287.891.693	12.003.891.693	24.007.723.861	24.003.891.693	48.007.723.861
Số dư của các tài khoản đang chờ điều chỉnh	61.795.823.000	127.582.034.000	3.143.945.847	6.287.891.693	12.003.891.693	24.007.723.861	24.003.891.693	48.007.723.861
Số dư của các tài khoản đang chờ điều chỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư của các tài khoản đang chờ điều chỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư của các tài khoản đang chờ điều chỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư của các tài khoản đang chờ điều chỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 2023	61.795.823.000	127.582.034.000	3.143.945.847	6.287.891.693	12.003.891.693	24.007.723.861	24.003.891.693	48.007.723.861

Số dư của các tài khoản đang chờ điều chỉnh cuối kỳ 2023: 1.500.000.000 VNĐ, Công ty đang chờ điều chỉnh các tài khoản đang chờ điều chỉnh cuối kỳ 2023: 1.500.000.000 VNĐ

Phân bổ tài khoản

	Tổng cộng
USD	1.500.000.000
VND	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN HƯNH

Là Hồ Xuân Cảnh 2, Đường số 11, KCN Tân Hải,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ tài chính hợp nhất
 Chi nhánh chính kể từ ngày 30/12/2022

II CÁC KHÓA MỤC NGOÀI BẢNG CÂN BỐI KẾ TOÁN VÀ CÂN KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang thuê các nhà xưởng và văn phòng các công ty liên kết kinh doanh cho thuê hợp đồng

b) Tài sản thuê ngoài

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 284-287 Hẻm Yên Thọ, P.4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	12,13 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1978 đến 01/01/2016
2	Số 824 Trưng Chiểu, Phường 10, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	88 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1978 đến 01/01/2016
3	Số 107A Âu Cơ Đường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	912 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1978 đến 01/01/2016
4	Số 200-201 Yết Kiêu Trưng, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	217 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1978 đến 01/01/2016
5	Số 11 Trưng Chiểu, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	11,28 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1978 đến 01/01/2016
6	Số 02 Trưng Chiểu, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	16,08 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1978 đến 01/01/2016
7	Số 327/8 Cách mạng Tháng 8, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	208 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1978 đến 01/01/2016
8	Số 8 Bông Sen, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	412 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1978 đến 01/01/2016
9	Là H-3, MONG, đường số 11, KCN Tân Hải, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	9.907 m ²	41 năm từ ngày 17/07/2008 đến 17/04/2047

c) Nguồn tài trợ

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô (USD)	2.121,86	130,87
- Đồng Nhật Bản (JPY)	1.570,82	-
- Đồng Hồng Kông (HKD)	10.346,15	-

23 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 3 2023	Quý 3 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng phân phối nội địa	225.205.753.915	194.660.261.813
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.775.843.362	57.025.635.162
	237.981.597.277	251.685.896.975
Tổng số Doanh thu đã với các khoản thuế (Theo thông tin chi tiết tại thuyết minh số 03)	4.012.011	38.776.447

14. CÁC KINH AN GIẢM THỰC DƯƠNG THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Đang bán bị trả lại	10.437.398	40.963.768
Chiết giảm hàng hóa	184.245.454	93.008.590
	<u>194.682.852</u>	<u>134.972.358</u>

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng phân phối, hàng hóa đã bán	187.211.496.317	194.871.808.439
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.768.167.122	57.831.815.897
	<u>204.979.663.439</u>	<u>252.703.624.336</u>

16. DOANH THU ĐOẠT TƯƠNG TÁC CHẾT

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận giữ lại cho vay	4.568.437.334	3.316.363.749
Lãi từ các khoản đầu tư	-	24.248.888
Lãi từ chứng khoán kinh doanh	28.433.139	114.548.379
Chiếu hối, kỳ hạn ngắn hạn khác	804.870.139	413.918.450
Lãi chính sách tỷ giá phát sinh trong năm	15.152.347	172.913.402
Lãi chính sách tỷ giá do mua g & bán số dư phải trả	668.549	100.918.334
	<u>5.459.748.501</u>	<u>4.048.967.722</u>
Trong đó: Doanh thu từ chính sách mua bán ngoại tệ	<u>188.691.888</u>	<u>826.827.888</u>
(Theo thông tin chi tiết tại Phụ lục số 5)		

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.879.539.517	1.468.578.345
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	311.838.987	-
Lãi từ công cụ tài chính khác	7.534.367	108.806.320
Lãi chính sách tỷ giá phát sinh trong năm	1.871.738.977	1.468.228.320
Lãi chính sách tỷ giá do chính sách mua g & bán ngoại tệ	838.485.822	1.028.778
Chi phí mua g & bán chứng khoán kinh doanh và tiền gửi đầu tư	(31.241.2.894)	254.313.379
Chi phí tài chính khác	-	34.013.537
	<u>3.474.591.674</u>	<u>3.263.868.729</u>

19 CHI PHÍ SẢN HIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên liệu vật liệu	62.976.080	-
Chi phí nhân công	9.199.790.770	6.851.967.578
Chi phí sửa chữa trị an toàn công nhân	238.090.064	372.461.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.615.888.328	1.688.404.273
Chi phí khác tổng cộng	2.221.864.484	1.064.578.892
	13.278.689.726	11.897.812.650

20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên liệu vật liệu	357.783.110	240.731.638
Chi phí nhân công	14.803.565.170	13.633.234.478
Chi phí sửa chữa trị an toàn công nhân	9.433.618.399	6.515.844.715
Tư liệu, lệ phí	397.764.173	49.730.491
Chi phí ăn uống (không tính chi phí thực phẩm)	14.205.145	11.073.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.825.625.232	2.234.349.810
Chi phí khác tổng cộng	5.833.815.219	3.248.874.197
	26.825.118.516	22.695.712.855

30 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập từ doanh nghiệp khác (không tính an toàn công nhân)	13.285.804	181.818.182
Thu nhập từ doanh nghiệp khác	-	244.000.000
Lãi phụ không thể gộp từ doanh nghiệp đồng	2.140.247.875	-
Thu nhập khác	38.713.489	15.879.230
	2.184.067.268	442.707.492

31 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Chi phí khấu hao	447.280.274	381.435.523
Tiền lương hưu đóng	175.811.000	-
Chi phí khác	108.414.003	40.156.048
	731.505.277	421.591.571

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN KINH

	Năm 2021	Năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuế TNDN tính bằng thuế thu nhập doanh nghiệp	1.314.130.350	2.196.975.774
Chi phí thuế TNDN tính bằng lợi Công ty TNHH MTV Công nghiệp Công nghệ Số Việt Nam An Lạc	258.792.478	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện kinh	1.572.922.828	2.196.975.774
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN của năm này	29.305.288	-
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN phải trả của các năm trước và chi phí thuế TNDN phải trả năm này	9.081.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đã miễn	1.607.148.138	(5.294.682)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.376.011.793)	(335.523.244)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	875.293.734	1.607.148.138

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	31/12/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	810.02001	01/01/2021
- Thuế suất thuế TNDN và cộng dồn các mức giảm trừ chi thu thuế của người nộp thuế	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các cơ cấu tổ chức mới hình thành trong năm	161.295.714	282.937.143
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	161.295.714	282.937.143

31. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
- Thuế suất thuế TNDN và cộng dồn các mức giảm trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được hoãn trả	1.017.433.665	1.114.144.991
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.017.433.665	1.114.144.991

32. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2021	Năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc loại bỏ chúng trong năm	(6.551.625)	(9.371.029)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc toàn bộ năm trong năm	(96.713.210)	(199.189.386)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(103.264.835)	(208.560.415)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HỒA LỬN BÌNH

Lô H.3, Ngã 6/5 A, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tân Thành Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Bộ cấp tài chính hợp nhất
Cấp báo tài chính số 100 ngày 31/12/2023

34. LÃNH VỰC TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tài trợ tài trợ của công ty trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty.

	Năm 2023	Năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	7.834.439.907	10.902.239.204
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông	7.834.439.905	10.902.239.201
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.759.707	3.136.708
Lợi nhuận trên cổ phiếu	1.204	1.900

Công ty được cấp dự thảo nghị quyết chia thưởng, phân lợi và Dividend Payout Ratio của Kế hoạch lợi nhuận sau thuế của năm 2023 được Ủy Ban Đạo đức tài chính hợp nhất.

Từ ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có hiệu lực ủy quyền từ các cổ phiếu.

35. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH THƯỜNG YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VNĐ	VNĐ
Chỉ tiêu nguyên liệu và tiếp	129.260.244.714	89.532.078.821
Chỉ tiêu nhân công	18.414.102.821	58.366.434.150
Chỉ tiêu chi phí tài chính và chi phí lãi	13.548.251.107	14.297.090.190
Chỉ tiêu chi phí quản lý	19.786.141.579	41.210.146.588
Chỉ tiêu chi phí tổng thể	124.010.641.221	11.896.051.809
Tổng cộng	284.999.140.321	214.496.000.809

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm giảm thiểu sự cân bằng được hợp lý giữa chi phí và lợi ích kinh doanh và chi phí quản lý tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm đưa ra quyết định quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và lợi ích kinh doanh.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro tỷ giá hối đoái trong các tài sản và nợ tài chính, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Công ty chấp nhận rủi ro tín dụng của các đối tác và khách hàng từ các khoản đầu tư có thanh khoản và có thể trả lại của khách hàng chấp nhận rủi ro trong các khoản đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu đã mua được đảm bảo với các điều kiện bảo hành 100%, và được đảm bảo từ các tài sản của Công ty cũng có kế hoạch kiểm soát khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN HÒA LẬP BÌNH
 Lô D7, Ngõ 243, Đường 11, Khu Thủ Đức,
 P. Thủ Đức, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trước	Từ 1 năm đến 3 năm	Từ 3 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Dư nợ ngắn hạn	601.849.201	-	-	601.849.201
Dư nợ dài hạn	-	315.322.100	-	315.322.100
	<u>601.849.201</u>	<u>315.322.100</u>	<u>-</u>	<u>917.171.301</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Dư nợ ngắn hạn	464.785.900	-	-	464.785.900
	<u>464.785.900</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>464.785.900</u>

Bài nợ về giấy bồi đắp:

Công ty vẫn tiếp tục tiếp nhận bồi đắp các giấy bồi đắp theo đúng quy định và báo cáo được với đồng VPHN như sau: danh sách, công thức và chi tiết về bồi đắp, máy móc thiết bị...

Bài nợ về thuế:

Công ty chấp hành và kê khai đúng hạn nộp thuế và chi bằng ngân hàng trong các báo cáo hợp lý và đúng quy định. Mọi chi phí thuế được tính toán đầy đủ và đúng quy định. Công ty có giữ các chứng từ liên quan để báo cáo thuế và nộp thuế đúng hạn. Công ty quản lý và báo cáo thuế hàng năm phù hợp với pháp luật và các quy định hiện hành. Công ty đã kê khai và nộp thuế đúng hạn và đúng quy định.

Bài nợ về nợ vay:

Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản vay trong một công cụ tài chính được loại bỏ đồng thời có thể được thực hiện được nghĩa vụ của mình nếu đến hạn thanh toán. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động mua và bán các khoản đầu tư tài chính không có mục đích kinh doanh và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trước	Từ 1 năm đến 3 năm	Từ 3 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tài sản	3.600.172.261	-	-	3.600.172.261
Phải thu khách hàng	47.532.856.794	165.793.479	-	47.698.650.273
Phản ứng chi phí	-	-	-	-
Các khoản chi	32.346.330.836	315.322.300	-	32.661.653.136
VỐ	<u>12.281.414.911</u>	<u>285.072.582</u>	<u>-</u>	<u>12.566.487.493</u>

	Từ 1 năm trước đây VNĐ	Từ 1 năm đến 5 năm VNĐ	Từ 5 năm VNĐ	Cộng VNĐ
Tại ngày 31/12/2023				
Tài sản	14.009.321.620	-	-	14.009.321.620
Trong đó:				
Hài trợ khách hàng, chiết khấu	40.599.195.905	353.465.910	-	40.952.661.815
Chi hoãn thuế	51.690.435.000	-	-	51.690.435.000
	<u>125.098.492.525</u>	<u>353.465.910</u>	<u>-</u>	<u>125.451.958.435</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thanh toán các nghĩa vụ tài chính của hợp nhất toàn do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ các việc tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các hạn chót đến hạn khác nhau.

Tất cả các thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của toàn các khoản thanh toán dự kiến theo lịch đáo hạn của tài sản tài chính của tài chính gốc như sau:

	Từ 1 năm trước đây VNĐ	Từ 1 năm đến 5 năm VNĐ	Từ 5 năm VNĐ	Cộng VNĐ
Tại ngày 31/12/2023				
Vay ngắn hạn	36.240.470.940	31.895.475.800	-	68.135.946.740
Phải trả người bán, phải trả khác	56.070.332.850	-	-	56.070.332.850
Chi phí phải trả	16.335.600	-	-	16.335.600
	<u>108.646.579.390</u>	<u>31.895.475.800</u>	<u>-</u>	<u>140.542.055.190</u>
Tại ngày 31/12/2022				
Vay ngắn hạn	31.895.475.800	3.267.590.174	-	35.163.065.974
Phải trả người bán, phải trả khác	36.195.848.321	-	-	36.195.848.321
	<u>68.091.324.121</u>	<u>3.267.590.174</u>	<u>-</u>	<u>71.358.914.295</u>

Công ty cho rằng việc có tập trung rủi ro đối với nợ ngắn hạn là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37. NIỀNG NGUYỄN HIỆT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đã nêu được điều chỉnh hay cũng bổ sung báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀO HỮU TÀI BÍNH

Lô D 7, Ngõ 08/2, Đường số 11, KCN Tân Phú,
P. Tân Phú, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

18. BÀN CÔNG BỐ PHỤ

Thao tác vụ: Kinh doanh

	Đầu kỳ (đến cuối năm) VNĐ	Đầu kỳ (đến cuối năm) VNĐ	Tổng cộng năm đến cuối năm VNĐ
Đầu kỳ đầu tiên từ báo tổng hợp ngoài	222.951.759.242	80.778.243.965	303.730.003.207
Chi phí bổ phân mục cấp	297.541.666.117	73.060.467.023	370.602.133.140
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	35.410.653.293	7.718.376.942	43.129.030.235
Tăng chi phí mua BĐS	11.110.048.185	10.996.171.288	22.106.219.473
Tài sản bổ phân mục cấp	231.594.291.434	60.587.106.981	292.181.398.415
Tài sản không phân bổ			24.899.219.137
Tổng tài sản	231.594.291.434	60.587.106.981	292.181.398.415
Nợ phải trả bổ phân mục cấp	75.920.610.059	29.576.218.826	105.496.828.885
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	780.368.779
Tổng nợ phải trả	75.920.610.059	29.576.218.826	106.277.197.664

Do toàn bộ hoạt động của mỗi đơn vị hạch toán Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, vì vậy, Công ty không đặc biệt lập và trình bày Báo cáo tài chính theo các quy định địa phương.

19. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ ĐỒ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị và mối quan hệ gắn các bên liên quan và Công ty như sau:

Hệ liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Đa Lợi	Công ty liên kết
Công Lạc Thế Mạnh	Chủ tịch HĐQT
Bà Lại Thị Hồng Bưởi	Thành viên HĐQT
Công Hoàng Minh Anh Tế	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành
Công Hoàng Văn Điền	Thành viên HĐQT
Công Nguyễn Minh Trí	Thành viên HĐQT
Công Trịnh Xuân Quang	Thành viên HĐQT
Công Phạm Thành Hải	Thành viên HĐQT
Công Nguyễn Anh Thuận	Thành viên HĐQT
Công Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT
Bà Thái Thị Phương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Quỳnh Thị Hải Trang	Thành viên Ban kiểm soát

Ngay sau thông tin các bên liên quan đã nêu, bất kỳ các thành viên nào, Công ty nào có mối quan hệ gắn kết với trong năm với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÀI BÌNH

Địa chỉ: Miền Bắc 2, Phường số 11, Quận Thủ Đức,
P. Tân Phú, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế doanh nghiệp: 0311202020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2023

	Năm 2022	Năm 2021
	VNĐ	VNĐ
Đanh thu	4.839.000	38.796.467
Công ty Cổ phần Tư Thương mại Quảng cáo Ái Lạc	4.000.000	38.796.467
Đanh thu hoạt động tài chính	796.200.000	626.007.809
Công ty Cổ phần Tư Thương mại Quảng cáo Ái Lạc	796.200.000	626.007.809
Thu nhập:	796.200.000	-
Công ty Cổ phần Tư Thương mại Quảng cáo Ái Lạc	796.200.000	-
<hr/>		
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	VNĐ	VNĐ
Ông Lê Văn Tuấn	38.000.000	45.000.000
Ông Hoàng Văn Tuấn	50.000.000	39.000.000
Bà Lê Thị Hằng (Chồng)	60.000.000	228.000.000
Ông Hoàng Minh Anh Tô	300.000.000	451.128.000
Ông Nguyễn Minh Tuấn	50.000.000	80.000.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	167.000.000	270.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	20.000.000	-
Ông Trần Thanh Hải	20.000.000	-
Bà Lê Thị Phương	309.000.000	181.000.000
Bà Quốc Thị Minh Thủy	190.000.000	170.000.000
Ông Lê Quốc Tuấn	-	98.000.000

Người giao dịch với bên liên quan với chức vụ nêu trên, chỉ báo kê khai thuế thu nhập cá nhân theo đúng và đúng số kê khai ngày kết thúc năm tài chính và Công ty.

III. Thông tin bổ sung

Bổ sung các khoản chi phí được ưu đãi thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tô
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25 tháng 03 năm 2023